

Cùng Đọc tài liệu tham khảo tổng hợp bài tập Unit 7 lớp 12 reading trang 22 sách mới như sau:

Hướng dẫn Unit 7 lớp 12 reading trang 22 sách mới

A.I. applications (Các ứng dụng trí tuệ nhân tạo)

1. Discuss what the pictures below show and where you might see these things. (Thảo luận về những gì các hình ảnh dưới đây cho thấy và nơi bạn có thể nhìn thấy những điều này.)

Trả lời

a. a voice recognition application which can be seen in smartphones, tablets and other electronic devices

(ứng dụng nhận diện giọng nói có thể được thấy trong điện thoại thông minh, máy tính bảng và các thiết bị điện tử khác)

b. a device using the GPS (Global Positioning System): a space-based navigation system that provides location information in all weather conditions, anywhere on or near the Earth, and can be seen in advanced means of transport

(một thiết bị sử dụng GPS (Global Positioning System): một hệ thống định vị được đặt trên không trung cung cấp thông tin vị trí trong mọi điều kiện thời tiết, bất cứ nơi nào trên hoặc gần Trái Đất, và có thể được nhìn thấy trên các phương tiện vận tải tiên tiến.)

c. a medical robot which can be seen in technologically advanced hospitals

(một robot y tế có thể thấy trong các bệnh viện công nghệ tiên tiến)

d. an automated bomb disposal robot which is used by the military

Unit 7 lớp 12 reading trang 22 câu 2

2. Read the following text about some A.I. applications and circle the correct answers.

There may be more than one correct answer to some questions. (Đọc văn bản sau đây về một số ứng dụng A.I. và khoanh chọn câu trả lời đúng. Có thể có nhiều câu trả lời đúng cho một số câu hỏi.)

1. What types of A.I. technology can be seen in today industries?

(Các loại công nghệ A.I có thể được nhìn thấy trong các ngành công nghiệp ngày nay là gì?)

A. Human-like robots. (Những robot giống như con người.)

B. Automated cars. (Ôtô tự động.)

C. Machines controlled by humanoids. (Máy do hình người điều khiển.)

D. Packing and lifting machines. (Máy đóng gói và nâng hạ.)

2. Which of these A.I. applications in medicine is mentioned in the text?

(Những loại ứng dụng A.I. trong y học được đề cập đến trong văn bản?)

A. Operating on patients at highest risk of complications.

(Phẫu thuật trên những bệnh nhân có nguy cơ biến chứng cao nhất.)

B. Helping to treat unhealthy organs.

(Giúp điều trị các cơ quan không khỏe mạnh.)

C. Finding out about the serious side effects of some medications.

(Tìm hiểu về các tác dụng phụ nghiêm trọng của thuốc.)

D. Discovering how medications interact within human body.

(Khám phá cách thuốc tương tác trong cơ thể người.)

3. How can the GPS help you?

(GPS có thể giúp bạn như thế nào?)

A. Recommend your destination.

(Đề xuất điểm đến của bạn.)

B. Show you the fastest way to your destination.

(Chỉ cho bạn con đường nhanh nhất đến đích của bạn.)

C. Show you how to get out of traffic jams.

(Chỉ cho bạn cách thoát khỏi tắc đường.)

D. Drive the car automatically.

(Lái xe ô tô số tự động.)

4. What is the function of voice recognition?

(Chức năng nhận diện giọng nói là gì?)

- A. Identifying human voices. (Nhận dạng giọng nói của con người.)
- B. Copying human commands. (Sao chép lệnh của con người.)
- C. Recording human voices. (Ghi âm giọng nói của con người.)
- D. Translating human commands. (Dịch lệnh của con người.)

5. How can Internet users understand foreign language texts?

(Làm thế nào người sử dụng Internet có thể hiểu được văn bản tiếng người ngoài?)

A. They can learn the language on the Internet.

(Họ có thể học ngôn ngữ trên Internet.)

B. They can guess the meaning using search engines.

(Họ có thể đoán nghĩa bằng cách sử dụng các công cụ tìm kiếm.)

C. They can get information about them on the Internet.

(Họ có thể lấy thông tin về họ trên Internet.)

D. They can use a translating application.

(Họ có thể sử dụng một ứng dụng dịch.)

6. What will A.I. robots in the near future be capable of having according to many A.I. experts?

(Robot A.I. sẽ có khả năng gì trong tương lai gần theo nhiều chuyên gia A.I?)

A. Human-like emotions. (Cảm xúc giống con người.)

B. Healthy lifestyles. (Lối sống lành mạnh.)

C. Dangerous behaviour. (Hành vi nguy hiểm.)

D. Higher levels of intelligence. (Mức độ thông minh cao hơn.)

Trả lời

1. B, D

2. C, D

3. B, C

4. A

5. A, D

6. D

Tạm dịch:

A.I hoặc trí thông minh nhân tạo là trí thông minh được hiển thị bởi máy móc hoặc phần mềm. Nhiều ngành công nghiệp ngày nay sử dụng các phương tiện tự động hóa cao có thể lái xe mà hầu như không có sự can thiệp của con người. Robot thông minh đã thay thế con người trong những công việc căng thẳng và nguy hiểm, và trong dây chuyền lắp ráp làm nhiệm vụ như đóng gói và nâng những thứ nặng.

Trong khoa học và y khoa, kỹ thuật A.I. giúp các bác sĩ khám phá sự tương tác tinh tế giữa các thuốc khiến bệnh nhân có nguy cơ cao vì những phản ứng phụ nghiêm trọng của họ. Bệnh nhân có nguy cơ cao nhất của biến chứng cũng được phát hiện dựa trên các kỹ thuật này.

Trong điều hướng, các thiết bị sử dụng GPS (Global Positioning System) giúp lái xe hoặc phi công tìm ra những tuyến đường tốt nhất đến đích bằng cách tránh những trở ngại, ùn tắc giao thông và tai nạn.

Trong quân đội, robot A.I. được sử dụng để khám phá các môi trường nguy hiểm có chứa chất nổ hoặc bị ô nhiễm bởi vũ khí hạt nhân.

Trong giao tiếp, các hệ thống nhận dạng giọng nói trong điện thoại thông minh hoặc các thiết bị điện tử khác có thể xác định lời nói của chúng ta, và hiểu rõ hơn về ý định của chúng ta. Các thuật toán A.I cũng có thể giúp phát hiện khuôn mặt và các tính năng khác trong bức ảnh được gửi tới các trang web mạng xã hội và tự động sắp xếp chúng. Các công cụ tìm kiếm trên Internet như Google và Bing cung cấp hàng trăm triệu người có kết quả tìm kiếm liên quan đến thời tiết, dự đoán lưu lượng, đề xuất sách, các cơ sở giáo dục, âm nhạc, phim ảnh và trò chơi. Các ứng dụng A.I trên Internet có thể dịch các trang web trong thời gian nhanh chóng, và thậm chí giúp người dùng học các ngôn ngữ mới.

Nhiều chuyên gia A.I. tin rằng công nghệ A.I. sẽ sớm đạt được nhiều tiến bộ hơn ở nhiều lĩnh vực khác. Các robot hiện đại sẽ thông minh hơn và thay thế con người trong nhiều công việc và môi trường nguy hiểm. Điều này chắc chắn sẽ cải thiện cuộc sống của chúng ta trong tương lai gần.

Unit 7 lớp 12 reading trang 22 câu 3

3. Work in pairs. Find a noun from each verb. Then make a sentence with each noun. (Làm việc theo cặp. Tìm một danh từ từ mỗi động từ. Sau đó tạo một câu với mỗi từ.)

Trả lời

1. application (ứng dụng)
2. intervention (sự can thiệp)
3. interaction (sự tương tác)
4. navigation (sự điều hướng)
5. prediction (sự dự đoán)
6. recognition (sự công nhận)

Unit 7 lớp 12 reading trang 22 câu 4

4. Work in groups. Name some robots which you have seen. Tell your partners where you saw them and their functions. (Làm việc nhóm. Gọi tên một số robot mà bạn đã thấy. Nói với các bạn của bạn, nơi bạn nhìn thấy chúng và chức năng của chúng.)

Trả lời

Some of the robots I have seen are (Một số robot mình đã nhìn thấy là):

- Morta at a coffee shop in Hanoi. It works as a waiter and helps bring coffee or food to the customers.

(Robot mang tên Morta tại một quán cà phê tại Hà Nội. Nó làm phục vụ tại quán và giúp mang cà phê hoặc đồ ăn đến với khách hàng.)

- Kuri on the internet. It can understand context and surroundings, recognize specific people, and respond to questions with facial expressions, head movements, and unique sounds.

(Robot mang tên Kuri trên mạng. Nó có thể hiểu được bối cảnh và những thứ xung quanh, nhận dạng một số người cụ thể và đáp lại các câu hỏi với biểu cảm trên khuôn mặt, chuyển động đầu và những âm thanh độc đáo.)

-/-

Trên đây là hướng dẫn giải tiếng anh 12 trong bài Unit 7 lớp 12 reading trang 22 sách mới mà các em cần thực hiện. Để ghi nhớ tốt hơn kiến thức các em có thể tải file tài liệu đính kèm bên dưới nhé!

